

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y HỌC
Chuyên ngành Nhi Khoa

Mã số: 60 72 01 35.

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Y Dược.

Năm bắt đầu đào tạo: 2006.

Thời gian tuyển sinh: Tháng 2 và Tháng 8 hàng năm.

Môn thi tuyển:

Môn thi Cơ bản: Toán cao cấp thống kê;

Môn thi Cơ sở: Sinh lý học;

Môn Ngoại ngữ: Trình độ B Ngoại ngữ.

Thời gian đào tạo: 1.5 - 2 năm.

Số tín chỉ tích lũy: 50 tín chỉ.

Tên văn bằng: Thạc sĩ Y học.

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)

			SỐ TÍN CHỈ
PHI	651	Triết học	3
ENG	651	Ngoại ngữ	5

B. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (18 TÍN CHỈ)

1. Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)

RMM	621	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học	2
SAI	621	Thống kê và tin học ứng dụng	2
EMB	621	Phôi thai học	2
PHY	621	Sinh lý học	2
IMM	621	Miễn dịch học	2
EPI	621	Dịch tễ học	2

2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)

PSU	621	Ngoại nhi	2
ENT	621	Tai mũi họng	2
IDI	621	Truyền nhiễm	2
OPH	621	Nhãn khoa	2
DER	621	Bệnh Da liễu trẻ em	2
OST	621	Răng hàm mặt	2

C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (12 TÍN CHỈ)

1. Các học phần bắt buộc (6 tín chỉ)

NEP	621	Nhi khoa 1 (Sơ sinh, cấp cứu)	2
NGC	621	Nhi khoa 2 (Dinh dưỡng, tiêu hoá, hô hấp, tim mạch)	2
HNE	621	Nhi khoa 3 (Huyết học, thận, nội tiết, thần kinh)	2

2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)

IMC	621	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh (IMCI)	2
CDT	621	Dị tật bẩm sinh và khối u	2
BIC	621	Thăm dò chức năng cơ bản ở trẻ em	2
JH	621	Sức khoẻ vị thành niên	2
SPS	621	Nhi khoa xã hội, Nhi học đường	2
MGD	621	Bệnh lý chuyển hoá, di truyền	2

D. LUẬN VĂN THẠC SĨ (12 TÍN CHỈ)

A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)

PHI 651 (3 tín chỉ) - Triết học

Học phần kế thừa những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo Triết học ở bậc đại học, phát triển và nâng cao những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học - công nghệ, những vấn đề mới của thời đại và đất nước. Học viên được học các chuyên đề chuyên sâu; kiến thức về nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng. Trên cơ sở đó giúp cho học viên có khả năng vận dụng kiến thức Triết học để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.

ENG 651 (5 tín chỉ) - Ngoại ngữ

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn, giúp cho học viên có thể đọc, dịch tài liệu phục vụ cho việc học tập các môn học chuyên ngành, nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

B. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (18 TÍN CHỈ)

1. Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)

RMM 621 (2 tín chỉ) - Phương pháp nghiên cứu khoa học y học

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các phương pháp thống kê, các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học. Hướng dẫn học viên cách nghiên cứu, trình bày vấn đề nghiên cứu theo phương pháp khoa học.

SAI 621 (2 tín chỉ) - Thống kê và tin học ứng dụng

Học phần giới thiệu cho học viên cách nhập, xử lý các số liệu nghiên cứu bằng các phần mềm sử dụng trong thống kê, nghiên cứu khoa học y tế (EPI Info, SPSS). Hướng dẫn cho học viên cách trình bày một văn bản, mẫu báo cáo khoa học.

EMB 621 (2 tín chỉ) - Phôi thai học

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của thai nhi.

PHI 621 (2 tín chỉ) - Sinh lý học

Nghiên cứu sâu về các biểu hiện sinh lý của cơ thể; Nghiên cứu sinh lý một số cơ quan trong cơ thể, nghiên cứu một số hệ thống chức năng của cơ thể, đặc biệt là chức năng sinh lý của trẻ em.

IMM 621 (2 tín chỉ) - Miễn dịch học

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nghiên cứu về một số bệnh miễn dịch, cơ chế miễn dịch thường gặp trong y học. Mô tả các cơ chế đáp ứng miễn dịch và mô tả đáp ứng miễn dịch trong một số bệnh lý cụ thể.

EPI 621 (2 tín chỉ) - Dịch tễ học

Dịch tễ học là khoa học nghiên cứu về sức khỏe, bệnh tật, các nguy cơ của nó và biện pháp dự phòng.

2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)**PSU 621 (2 tín chỉ) - Ngoại nhi**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, xử trí một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp ở trẻ em.

ENT 621 (2 tín chỉ) - Tai mũi họng

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về bệnh lý tai mũi họng trẻ em, các thủ thuật thường được thực hiện cho trẻ em.

IDI 621 (2 tín chỉ) - Truyền nhiễm

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức, mô hình các bệnh lý truyền nhiễm hiện tại. Hướng dẫn xử trí cộng đồng và điều trị mới đặc biệt là xử trí cấp cứu các bệnh lý truyền nhiễm.

OPH 621 (2 tín chỉ) - Nhãn khoa

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về bệnh lý nhãn khoa cho trẻ, các dị tật bẩm sinh thường gặp ở trẻ em.

DER 621 (2 tín chỉ) - Bệnh da liễu trẻ em

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý về da hay gặp ở trẻ em.

OST 621 (2 tín chỉ) - Răng hàm mặt

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các bệnh lý và cách chăm sóc răng miệng cho trẻ em.

C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (12 TÍN CHỈ)**1. Các học phần bắt buộc (6 tín chỉ)****NEP 621 (2 tín chỉ) - Nhi khoa 1 (Cấp cứu, sơ sinh)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về chẩn đoán, điều trị, xử trí cấp cứu một số bệnh thường gặp ở trẻ em, nhất là trẻ sơ sinh. Tư vấn cho bà mẹ về cách phòng bệnh cho trẻ em và chăm sóc trẻ mắc bệnh.

NGC 621 (2 tín chỉ) - Nhi khoa 2 (Dinh dưỡng, tiêu hoá, tim mạch, hô hấp)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về chẩn đoán, điều trị một số bệnh về hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn và dinh dưỡng thường gặp ở trẻ em.

HNE 621 (2 tín chỉ) - Nhi khoa 3 (Huyết học, thận, nội tiết, thần kinh)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chẩn đoán, điều trị một số bệnh về huyết học, thận, nội tiết và thần kinh thường gặp ở trẻ em.

2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)**IMC 621 (2 tín chỉ) - Xử trí lồng ghép trẻ bệnh**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng đánh giá, phân loại, xử trí và tham vấn về các chứng bệnh thường gặp tại tuyến y tế cơ sở.

CDT 621 (2 tín chỉ) - Dị tật bẩm sinh và khối u

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và tham vấn điều trị một số dị tật bẩm sinh và khối u thường gặp ở trẻ em.

BIC 621 (2 tín chỉ) - Thăm dò chức năng cơ bản ở trẻ em

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản chỉ định và phân tích kết quả một số thăm dò chức năng cơ bản giúp chẩn đoán bệnh thường gặp ở trẻ em.

JH 621 (2 tín chỉ) - Sức khoẻ vị thành niên

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý và các bệnh tật, rối loạn chức năng thường gặp ở tuổi vị thành niên.

SPS 621(2 tín chỉ) - Nhi khoa xã hội, nhi học đường

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về các bệnh tật thường gặp và tư vấn phòng bệnh cho trẻ em lứa tuổi học đường; Những kiến thức cơ bản về Nhi khoa xã hội cũng như hoạt động của các chương trình phòng bệnh cho trẻ em Việt nam nay.

MGD 621 (2 tín chỉ) - Bệnh lý chuyển hoá, di truyền

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về các bệnh chuyển hóa và di truyền thường gặp ở trẻ em.

D. LUẬN VĂN THẠC SĨ (12 TÍN CHỈ)

Luận văn thạc sĩ là một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn do đơn vị đào tạo giao hoặc do học viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý và Hội đồng khoa học đào tạo chuyên ngành chấp thuận. Học viên được phép bảo vệ luận văn thạc sĩ sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành.